TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Việt;
2. Bà Lê Thị Nguyệt.

***- Thư ký phiên toà**:* Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**:* Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1982; nơi thường trú: Số 72/17 khu phố Bình Phú, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1981; nơi thường trú: Số 72/17 khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Huỳnh Ngọc Th tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo giấy chứng nhận kết hôn số 104, ngày 29/8/2007. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc, vợ chồng mặc dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kiều Tr, sinh ngày 03/3/2008 và Huỳnh Thị Kiều M, sinh ngày 29/11/2013. Do cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Huỳnh Thị Kiều M sau khi ly hôn

bà Nguyễn Thị X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung trên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Ngọc Th không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn - ông Huỳnh Ngọc Th trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị X về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Hai vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tính không hợp. Hiện nay ông Th rất muốn được đoàn tụ với bà X nhưng bà X vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Ông Th hứa sẽ thay đổi, ông xác định còn thương bà X. Nên nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà X.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kiều Tr, sinh ngày 03/3/2008 và Huỳnh Thị Kiều M, sinh ngày 29/11/2013. Do cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Huỳnh Thị Kiều M do ông không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị X khởi kiện ông Huỳnh Ngọc Th yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, ông Thật hiện đang thường trú và sinh sống tại Số 72/17 khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Ngọc Th và bà Nguyễn Thị X tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo giấy chứng nhận kết hôn số 104, ngày 29/8/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, bà X xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Th. Tòa án có xác minh tại địa phương nhưng địa phương chưa ghi nhận gì về mâu thuẫn vợ chồng của bà X và ông Th.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ

chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông Th không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Mặt khác, bà X xác định bà không còn tình cảm với ông Th, bà cương quyết ly hôn, ông Th đến nay vẫn không đoàn tụ được với bà X nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà X về việc ly hôn với ông Th theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kiều Tr, sinh ngày 03/3/2008 và Huỳnh Thị Kiều M, sinh ngày 29/11/2013. Do cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Huỳnh Thị Kiều M sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung trên.

Xét, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2025 của cháu Huỳnh Thị Kiều M, cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Bà X có chỗ ở ổn định, hiện nay cháu My đang ở cùng với bà Xuyến và ông Thật. Ông Thật không có ý kiến về con chung. Nên để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức nên giao cháu Huỳnh Thị Kiều M cho bà X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà X không yêu cầu ông Huỳnh Ngọc Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trên của bà X.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với bị đơn ông Huỳnh Ngọc Th về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc Th.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Kiều M, sinh ngày 29/11/2013 cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Ngọc Th không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001005 ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 - Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huệ

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA